TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM - ST
Ngày: 22 - 6 - 2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Bùi Hồng Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLST – DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ: Số x, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Minh P – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng T huyện Long Phú là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 20/QĐ-BIDV ngày 03/02/2021); Địa chỉ: Ấp x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 và ông Võ Thanh S, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: Ấp x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Giữa Ngân hàng T và bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S có ký hợp đồng tín dụng số HM.0433.14/HĐTD ngày 26/8/2014 với số tiền vay là 700.000.000 đồng cụ thể:Ngày 11/8/2015 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 12%, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn, mục đích thu mua lúa. Bà T, ông S đã trả hết phần gốc của hợp đồng vào ngày 08/8/2018 và còn nợ tiền lãi từ ngày 11/8/2015 đến ngày trả nợ gốc 08/8/2018 bao gồm lãi trong hạn là 3.593.425 đồng, lãi quá hạn là 1.494.248 đồng; Ngày 13/8/2015 vay 690.000.000 đồng, lãi suất 9,7%, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn, mục đích thu mua lúa. Bà T, ông S đã trả phần gốc của hợp đồng là 478.715.510 đồng còn nợ gốc là 211.284.490 đồng và tiền lãi từ 13/8/2015 đến ngày

xét xử 22/6/2021 bao gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng

Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 0434.14/HĐTC ngày 26/8/2014 với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK902297 do Uỷ ban nhân dân huyện Long Phú cấp ngày 26/11/2007 thuộc thửa số 1226, Tờ bản đồ 01 tạo lạc tại ấp Sóc Mới, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và tài sản gắn liền trên đất.

Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T và ông S liên đời trả cho ngân hàng T số tiền 588.022.501đồng (bao gồm 211.284.490 đồng tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 22/6/2021 là 376.738.011 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/6/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Đồng thời, nếu bà T và ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp như trên theo quy định để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 do bà T là chủ doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh nên có mục đích lợi nhuận nên cần xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và buộc yêu cầu bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 211.284.490 đồng và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký trong thời gian chờ xét xử của Tòa án và chờ thi hành án. Nếu không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng, loại kiện là tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy cụ thể tại hợp đồng tín dụng số HM.0433.14/HĐTD ngày 26/8/2014 ghi "Mục đích vay là thu mua lúa" và bị đơn có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh ngày 20/6/2014. Do đó, vụ án trên là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xác định loại kiện trong vụ án này là kinh doanh thương mại.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Thanh S và bà Nguyễn Thanh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Võ Thanh S và bà Nguyễn Thanh T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là tiền gốc là 211.284.490 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng số HM.0433.14/HĐTD ngày 26/8/2014 có chữ ký của bị đơn ở mục bên vay; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/8/2015 có chữ ký của bị đơn; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng ngày 13/8/2015 có chữ ký của bị đơn và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn đã vay và nhận đủ của nguyên đơn số tiền là 700.000.000 đồng là có căn cứ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 488.715.510 đồng (bao gồm số tiền 10.000.000 đồng của hợp đồng ngày 11/8/2015 và số tiền 478.715.520 đồng của hợp đồng ngày 13/8/2015). Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 211.284.490 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tạm tính đến ngày 22/6/2021 là 376.738.011 đồng bao gồm tiền lãi của hợp đồng ngày 11/8/2015 từ 13/8/2015 đến ngày xét xử 22/6/2021 gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng; hợp đồng ngày 13/8/2015 từ 13/8/2015 đến ngày xét xử 22/6/2021 gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng. Đồng thời, phải trả phần tiền lãi từ ngày 23/6/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/8/2015 đối với số tiền gốc là 10.000.000 đồng quy định lãi suất vay là 12%, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn; Giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng ngày 13/8/2015 đối với số tiền gốc là 690.000.000 đồng quy định lãi suất vay là 9,7%, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp với Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, theo bảng tính lãi tiền vay của nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn phải trả tiền lãi tạm tính đến ngày 22/6/2021 là 376.738.011 đồng đồng bao gồm tiền lãi của hợp đồng ngày 11/8/2015 từ 13/8/2015 đến ngày xét xử 22/6/2021 gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng; hợp đồng ngày 13/8/2015 từ

13/8/2015 đến ngày xét xử 22/6/2021 gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng. Như vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn tiền lãi tạm tính đến ngày 22/6/2021 là 376.738.011 đồng bao gồm tiền lãi của hợp đồng ngày 11/8/2015 từ 13/8/2015 đến ngày xét xử 22/6/2021 gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng; hợp đồng ngày 13/8/2015 từ 13/8/2015 đến ngày xét xử 22/6/2021 gồm lãi suất trong hạn là 259.013.576 đồng, lãi quá hạn 112.636.763 đồng. Đồng thời, phải trả phần tiền lãi từ ngày 23/6/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ

[4] Từ phân tích nêu trên, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày 22/6/2021 số tiền vay gốc là 211.284.490 đồng, tiền lãi là 376.738.011 đồng, tổng cộng là 588.022.501 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp như trên theo quy định để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng thế chấp số 0434.14/HĐTC ngày 26/8/2014 có chữ ký của bị đơn ở mục bên thế chấp đã được chứng thực; bản sao đơn yêu cầu đăng ký thế chấp có chứng nhận của cơ quan đăng ký; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số số AK902297 do Uỷ ban nhân dân huyện Long Phú cấp ngày 26/11/2007 thuộc thửa số 1226, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại ấp Sóc Mới, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng do bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S đứng tên. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chổ ngày 25/12/2020 về tài sản thế chấp không thay đổi so với thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp ngày 26/8/2015. Mặt khác, tại Điều 9 Hợp đồng thế chấp số 0434.14/HĐTC ngày 26/8/2014 quy định " Bên A đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho bên B (Nếu trên đất có tài sản, hoặc tài sản gắn liền với đất)". Như vậy, đã đủ cơ sở khẳng định bị đơn đã tự nguyện dùng tài của mình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 01, có diện tích 855m^2 tọa lạc tại ấp Sóc Mới, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AK902297 do Uỷ ban nhân dân huyện Long Phú cấp ngày 26/11/2007 do bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S đứng tên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm 01 căn nhà kho, tường 10, nền láng xi măng, mái tole, cửa sắt, không trần, có chiều ngày 16m., dài 18m thuộc sở hữu bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn theo hợp đồng thế chấp nêu trên. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu 550.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả cho nguyên đơn do đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

[8] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290, Điều 355, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Thanh S và bà Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền là 588.022.501 đồng (Năm trăm tám mươi tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm lẽ một đồng. Bao gồm 211.284.490 đồng (Hai trăm mười một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/6/2021 là 376.738.011 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn không trăm mười một đồng).

Kể từ ngày 23/6/2021 cho đến khi thi hành án xong; ông Võ Thanh S và bà Nguyễn Thanh T còn phải chịu phần lãi suất phát sinh trên nợ gốc trong hạn, lãi suất trên nợ gốc quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về tài sản thế chấp: Trường hợp ông Võ Thanh S, bà Nguyễn Thanh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0434.14/HĐTC ngày 26/8/2014 đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 01, có diện tích 855,0m^2, tọa lạc tại ấp Sóc Mới, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AK902297 do Uỷ ban nhân dân huyện Long Phú cấp ngày 26/11/2007 do bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S đứng tên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm 01 căn nhà kho, tường 10, nền láng xi măng, mái tole, cửa sắt, không trần, có chiều ngày 16m., dài 18m thuộc sở hữu bà Nguyễn Thanh T và ông Võ Thanh S.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Võ Thanh S và bà Nguyễn Thanh T phải chịu 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này Ngân hàng T đã nộp xong nên ông Võ Thanh S, bà Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Thanh S và bà Nguyễn Thanh T phải chịu 27.520.900 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.169.000 đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007210 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

6 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Hoa